

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	06 - 07
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy Lợi Trà Vinh là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy Lợi Trà Vinh theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 26/3/2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 03 ngày 8/2/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 8/2/2017.

Vốn điều lệ: 523.925322.800 đồng (Năm trăm hai mươi ba triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ trụ sở chính : Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: +84 (294) 385 3279

Mã số thuế: 2100234245

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trang trại, nuôi thủy sản và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hệ thống thủy lợi được giao quản lý. Làm chủ đầu tư sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn thủy lợi phí;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình thủy lợi. Thi công các công trình thủy lợi.

4. Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Chủ tịch công ty, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đỗ Trung.

4.2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Văn Liêm (được bổ nhiệm ngày 01/10/2017).

4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Nhiễm	Phó Giám đốc

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Trung	Chủ tịch kiêm Giám đốc	26/04/2014	-

31281
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
IUÂN
- TP. H

6. **Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 20.

7. **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

9. **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

T.M. Ban Giám đốc



ĐỖ TRUNG

Giám đốc Công ty

75-C
TY
HỮU HẠN
À TƯ VẤN
VIỆT
ĐỒ CHÍ



Số: 2049/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI TRÀ VINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy Lợi Trà Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2018 (từ trang 06 đến trang 20), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy Lợi Trà Vinh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.350.214.835	11.122.991.657
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	5.582.191.499	7.515.966.427
111	1. Tiền		5.582.191.499	7.515.966.427
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.767.823.336	3.591.545.836
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	4.737.415.819	2.519.936.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	45.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	1.311.486.517	1.214.641.336
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.4	(281.079.000)	(188.031.500)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	200.000	15.479.394
141	1. Hàng tồn kho		29.221.381	44.500.775
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(29.021.381)	(29.021.381)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		518.768.063.290	519.302.323.260
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		116.263.000	229.988.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.7	116.263.000	229.988.000
220	II. Tài sản cố định		518.648.087.790	519.053.772.760
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	518.648.087.790	519.053.772.760
222	- Nguyên giá		522.030.773.346	522.438.121.982
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.382.685.556)	(3.384.349.222)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.712.500	18.562.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.712.500	18.562.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		530.118.278.125	530.425.314.917

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		6.027.769.281	6.236.400.480
310	I. Nợ ngắn hạn		6.027.769.281	6.236.400.480
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	165.984.560	984.560
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		531.079.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.9	68.695.447	157.338.184
314	4. Phải trả người lao động		45.970.721	67.287.416
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.10	3.404.434.178	4.870.190.119
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.811.605.375	1.140.600.201
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		524.090.508.844	524.188.914.437
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.11	524.090.508.844	524.188.914.437
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		523.876.101.867	523.925.322.800
418	7. Quỹ đầu tư phát triển		65.182.579	65.182.579
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		149.224.398	198.409.058
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		149.224.398	198.409.058
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		530.118.278.125	530.425.314.917

Người lập biểu



LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng



PHAN THỊ LỰU



Trà Vinh, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Giám đốc



ĐỖ TRUNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay			Năm trước
			Hoạt động công ích	Hoạt động kinh doanh	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	16.370.717.722	6.147.220.000	22.517.937.722	23.986.882.695
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.370.717.722	6.147.220.000	22.517.937.722	23.986.882.695
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	4.665.315.187	5.511.361.250	10.176.676.437	12.144.959.682
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.705.402.535	635.858.750	12.341.261.285	11.841.923.013
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	25.997.723	6.550.784	32.548.507	53.768.260
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	11.731.400.258	423.274.036	12.154.674.294	11.683.866.982
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-	219.135.498	219.135.498	211.824.291
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	102.521.000
32	12. Chi phí khác	VI.6	-	26.084.000	26.084.000	53.067.175
40	Lợi nhuận khác		-	(26.084.000)	(26.084.000)	49.453.825
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	193.051.498	193.051.498	261.278.116
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.9b	-	43.827.100	43.827.100	62.869.058
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	149.224.398	149.224.398	198.409.058
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-	-	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Giám đốc

LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

PHAN THỊ LỰU

ĐỖ TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		193.051.498	261.278.116
	2. Điều chỉnh các khoản		498.599.394	646.513.724
02	- Khấu hao tài sản cố định		438.100.401	488.224.224
03	- Các khoản dự phòng		93.047.500	158.289.500
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.548.507)	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		691.650.892	907.791.840
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.155.600.000)	(927.396.230)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.279.394	88.169.675
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		601.478.614	580.073.585
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.850.000	(18.562.500)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.938.534)	(45.715.014)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.021.407.437)	(535.579.935)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.884.687.071)	48.781.421
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(81.636.364)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.548.507	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(49.087.857)	-
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1.933.774.928)	48.781.421
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.515.966.427	7.467.185.006
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	5.582.191.499	7.515.966.427

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Giám đốc

LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

PHAN THỊ LỰU

ĐỖ TRƯNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Trà Vinh theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100234245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 26 tháng 03 năm 2009.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chuyên về quản lý, khai thác, xây lắp các công trình Thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý, khai thác công trình và hệ thống công trình Thủy lợi trong tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trang trại, nuôi thủy sản và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hệ thống Thủy lợi được giao quản lý. Làm chủ đầu tư sửa chữa các công trình bằng nguồn vốn Thủy lợi phí.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình Thủy lợi. Thi công các công trình Thủy lợi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 95 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 95 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh

doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

Theo quy định tại Khoản 1, điều IV thông tư 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính, các tài sản sau đây của Công ty khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

6. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được chủ sở hữu phê duyệt.

9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp các dịch vụ về thủy lợi

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

11. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
- Theo Điều 8, mục 2 của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính thì thu nhập từ cung cấp dịch vụ tưới tiêu của doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu nhập từ nguồn miễn thủy lợi phí và thu nhập từ quản lý vận hành đều là dịch vụ công ích nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập từ bán vật tư phục vụ sửa chữa cống đập, thu nhập từ cung cấp dịch vụ xây lắp được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% do tổng doanh thu của các hoạt động này dưới 20 tỷ theo quy định tại Thông tư 78/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	63.321.953	118.115.287
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	5.518.869.546	7.397.851.140
Cộng	5.582.191.499	7.515.966.427

(*) Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Trà Vinh.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	4.737.415.819	2.519.936.000
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Vinh	3.680.446.500	1.776.668.000
- Các khách hàng khác	1.056.969.319	743.268.000
Cộng	4.737.415.819	2.519.936.000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.311.486.517	-	1.214.641.336	-
- Ngân sách Nhà nước (phải thu tiền nhà làm việc công ty)	1.133.059.329	-	1.133.059.329	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	16.997.188	-	39.157.007	-
- Kí quỹ bảo lãnh hợp đồng	161.430.000	-	42.425.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	1.311.486.517	-	1.214.641.336	-

4. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
- Ban Quản lý dự án các dự án thủy lợi Trà Vinh	Trên 3 năm	13.336.000	-	Trên 3 năm	13.336.000	-
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trên 3 năm	14.818.000	-	Trên 3 năm	14.818.000	-
- Công trình Đê Trà Cú (HTTLND cù lao Hòa Minh)	Trên 1 năm, dưới 2 năm	200.000.000	80.000.000	Dưới 1 năm	400.000.000	280.000.000
- Công trình CPKS xây dựng 1 bờ bao ấp Bung lớn B, Bà Mi, huyện Cầu Kè	Trên 3 năm	132.925.000	-	Trên 2 năm, dưới 3 năm	132.925.000	93.047.500
Cộng		361.079.000	80.000.000		561.079.000	373.047.500

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	Cộng
Số đầu năm	(188.031.500)	-	(188.031.500)
Trích lập dự phòng bổ sung	(93.047.500)	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(281.079.000)	-	(281.079.000)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.221.381	(29.021.381)	44.500.775	(29.021.381)
Cộng	29.221.381	(29.021.381)	44.500.775	(29.021.381)

6. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký bảo hành công trình tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	520.806.774.166	739.561.727	792.387.489	99.398.600	522.438.121.982
Tăng trong năm	-	81.636.364	-	-	81.636.364
Giảm trong năm	(488.985.000)	-	-	-	(488.985.000)
Số cuối năm	520.317.789.166	821.198.091	792.387.489	99.398.600	522.030.773.346
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.884.954.100	682.057.289	717.939.233	99.398.600	3.384.349.222
Tăng trong năm	321.544.846	42.107.299	74.448.256	-	438.100.401
Khấu hao trong năm	321.544.846	42.107.299	74.448.256	-	438.100.401
Giảm trong năm	(439.764.067)	-	-	-	(439.764.067)
Số cuối năm	1.766.734.879	724.164.588	792.387.489	99.398.600	3.382.685.556
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	518.921.820.066	57.504.438	74.448.256	-	519.053.772.760
Số cuối năm	518.551.054.287	97.033.503	-	-	518.648.087.790

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 883.901.399 đồng.
- Nguyên giá của tài sản không phải trích khấu hao theo Thông tư 11/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2009 như thuyết minh ở mục IV.5 là 515.320.065.607.

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đây là khoản trả tiền trước của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Vinh theo Hợp đồng số 283/HĐ-XD ngày 2/8/2017 để thực hiện thi công sửa chữa, nâng cấp cầu giao thông Cống Lạc Hòa.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	133.855.778	-	194.581.167	(296.112.470)	32.324.475	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.482.406	-	43.827.100	(30.938.534)	36.370.972	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	24.055.233	(24.055.233)	-	-
Cộng	157.338.184	-	262.463.500	(351.106.237)	68.695.447	-

9a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

9b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	193.051.498	261.278.116
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	26.084.000	53.067.175
+ Các khoản chi phí không hợp lệ	26.084.000	53.067.175
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	219.135.498	314.345.291
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	43.827.100	62.869.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	43.827.100	62.869.058

10. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.404.434.178	4.870.190.119
- Tạm ứng ngân sách	3.329.282.278	4.795.038.219
- Các khoản phải trả khác	75.151.900	75.151.900
Cộng	3.404.434.178	4.870.190.119

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Ngân sách cấp</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	733.741.460	148.806.793	1.068.752.665	(724.069.842)	1.227.231.076
Quỹ phúc lợi	398.479.109	49.602.265	356.250.888	(253.517.595)	550.814.667
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	8.379.632	-	69.000.000	(43.820.000)	33.559.632
Cộng	1.140.600.201	198.409.058	1.494.003.553	(1.021.407.437)	1.811.605.375

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. Vốn chủ sở hữu**12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	523.925.322.800	65.182.579	75.754.556	524.066.259.835
2. Tăng trong năm trước	-	-	198.409.058	198.409.058
- Lợi nhuận tăng	-	-	198.409.058	198.409.058
3. Giảm trong năm trước	-	-	(75.754.456)	(75.754.456)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	523.925.322.800	65.182.579	198.409.058	524.188.914.437
6. Tăng trong năm nay	-	-	149.224.398	149.224.398
- Lãi trong năm	-	-	149.224.398	149.224.398
7. Giảm trong năm nay	(49.220.933)	-	(198.409.058)	(247.629.991)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(198.409.058)	(198.409.058)
- Bàn giao tài sản cố định	(49.220.933)	-	-	(49.220.933)
8. Số dư cuối năm nay	523.876.101.867	65.182.579	149.224.398	524.090.508.844

12b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Toàn bộ vốn góp chủ sở hữu là của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Hoạt động công ích	16.370.717.722	14.904.961.781
- Hoạt động kinh doanh	6.147.220.000	9.081.920.914
Cộng	22.517.937.722	23.986.882.695

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Hoạt động công ích	4.665.315.187	3.872.971.221
- Hoạt động kinh doanh	5.511.361.250	8.271.988.461
Cộng	10.176.676.437	12.144.959.682

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là lãi tiền gửi tiền gửi thanh toán.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	8.754.305.620	8.450.569.452
- Chi phí vật liệu quản lý	82.207.408	84.785.446
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.489.991	404.580.480
- Thuế, phí và lệ phí	17.858.693	17.112.972
- Chi phí dự phòng	93.047.500	158.289.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.602.632	286.779.395
- Các chi phí khác	2.570.162.450	2.281.749.737
Cộng	12.154.674.294	11.683.866.982

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.666.669.182	4.273.342.103
- Chi phí nhân công	9.950.900.985	11.513.141.892
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.489.991	488.224.224
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.602.632	259.872.899
- Chi phí khác	2.794.250.722	2.418.585.329
Cộng	17.048.913.512	16.274.708.219

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Lương	691.000.000	552.000.000
Cộng	691.000.000	552.000.000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÀ VINH

Địa chỉ: ấp Long Bình B, đường Bạch Đằng, phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Báo cáo bộ phận*- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Năm nay*

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hoạt động công ích	16.370.717.722	4.665.315.187	11.705.402.535	72%
Hoạt động kinh doanh	6.147.220.000	5.511.361.250	635.858.750	10%
Cộng	22.517.937.722	10.176.676.437	12.341.261.285	55%

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hoạt động công ích	14.904.961.781	3.872.971.221	11.031.990.560	74%
Hoạt động kinh doanh	9.081.920.914	8.271.988.461	809.932.453	9%
Cộng	23.986.882.695	12.144.959.682	11.841.923.013	49%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Trà Vinh, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

LƯƠNG PHƯƠNG THẢO

PHAN THỊ LỰU

ĐỖ TRUNG